



**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty: Công ty cổ phần than Hà lâm - Vinacomin**  
**Năm báo cáo: 2015**

**I. Thông tin chung:**

1. *Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Ha Lam Coal Joint Stock Company.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700101637
- Vốn điều lệ: 254.151.990.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 254.191.990.000 đồng
- Địa chỉ : Số 1 P. Tân Lập - P. Hà lâm - TP Hạ Long - T. Quảng ninh
- Số điện thoại : 0333825356
- Số fax : :0333821203
- Website: [www.halamcoal.vn](http://www.halamcoal.vn).
- Mã cổ phiếu : HLC

*\* Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).: Mỏ Than Hà Lâm được thành lập từ ngày 01 tháng 08 năm 1960 dựa trên cơ sở sản xuất của khoáng sàng khu vực Hà Lâm, tách ra từ Xí nghiệp quốc doanh than Hòn Gai, tiếp quản từ thời Pháp để lại.

Năm 1993, Bộ Năng lượng có Quyết định số 402 NL/TCCBLĐ ngày 30/6/1993 về việc Mỏ Than Hà Lâm trực thuộc Công ty than Hòn Gai.

Đến năm 1997, Mỏ Than Hà Lâm được chuyển từ trực thuộc Công ty than Hòn Gai thành doanh nghiệp nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng công ty



Than Việt Nam theo Quyết định số 25-1997/QĐ-BCN ngày 29/12/1997 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01 tháng 10 năm 2001, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam có quyết định số 405/QĐ-HĐQT, đổi tên Mỏ Than Hà Lâm - doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam thành Công ty Than Hà Lâm - doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam có quyết định số 2454/QĐ-HĐQT đổi tên Công ty Than Hà Lâm thành Công ty Than Hà Lâm – TKV, doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam.

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 3672/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty Than Hà Lâm - TKV.

Theo quyết định số 2223/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Than Hà Lâm – TKV thành Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV. Công ty Than Hà Lâm đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước, chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/02/2008 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV”. Ngày 28 tháng 10 năm 2010 Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất với tên gọi “Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – VINACOMIN”

Ngày 16/2/2009, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận lưu ký số 04/2009/GCNLK\_TTLK, ngày 18/2/2009, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 51/QĐ-TTGDHN về việc chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV. Ngày 5/3/2009, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC.

Ngày 14/7/2011, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2009/GCNCP-VSD-2 Đăng ký thay đổi lần thứ 2. Ngày 22/7/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 351/QĐ-SGDHN về việc chấp nhận đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin. Theo quyết định trên ngày 18/8/2011, số cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại



Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC . Tăng vốn điều lệ từ 93 000 000 000đ lên 119 556 750 000đ.

Ngày 21/01/2014, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2009/GCNCP-VSD-3 Đăng ký thay đổi lần thứ 3 .Ngày 21/01/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 38/QĐ-SGDHN ngày 25/01/2014, về việc chấp nhận đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin. Theo quyết định trên ngày 24/02/2014, số 11.250.946 cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán:HLC, Tăng vốn điều lệ từ 119.556.750.000đồng lên 232.066.210.000đồng.

Ngày 02/4/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 232.066.210.000đồng lên 254.151.990.000đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 12-11-2015 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 2.208.578 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 25.415.199 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (*theo mệnh giá*) là 254.151.990.000 đồng

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than cứng;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
  - Lắp đặt hệ thống điện;
  - Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Sửa chữa thiết bị điện;
  - Sửa chữa thiết bị khác;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Dịch vụ ăn uống khác;
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Khai thác và thu gom than non;
  - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
  - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Địa bàn kinh doanh : P. Tân Lập - P. Hà làm - TP Hạ Long - T. Quảng ninh



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc điều hành: 07. Trong đó, 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc sản xuất và công tác bảo vệ - Quận sự - An ninh tự quản, 01 Phó Giám đốc phụ trách Đời sống - xã hội và công tác môi trường công tác xây dựng phục vụ sản xuất nội bộ trong toàn công ty , 01 Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải – Công nghệ thông tin, 01 Phó Giám đốc phụ trách Môi trường , 01 Phó Giám đốc phụ trách về kỹ thuật công nghệ, công tác an toàn, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, 01 Kế toán trưởng.
- + Các Công trường, Phân xưởng, Phòng ban: Gồm 16 Phòng,ban và 28 đơn vị sản xuất phục vụ phù trợ.
- + Tổ chức Công đoàn
  - 01 Chủ tịch Công đoàn Công ty (chuyên trách)
  - 02 Phó chủ tịch Công đoàn Công ty (chuyên trách)
  - Tổ chức Công đoàn cấp công trường, phân xưởng và các khối phòng ban
- + Tổ chức Đoàn thanh niên : Bí thư Đoàn thanh niên Công ty và các chi đoàn cấp công trường, phân xưởng và các khối phòng ban .

- Các công ty con, công ty liên kết : Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Tập trung thi công đào lò, xúc bốc đất đá và chuyển diện sản xuất cho các đơn vị để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất 2016.
- Triển khai công tác chuẩn bị điều kiện để phục vụ lắp đặt và tổ chức lắp đặt các thiết bị vận chuyển CGH đồng bộ 7-2 via 7 công suất 1.200.000 tấn đa lò chợ vào hoạt động tháng 10 năm 2016.
- Tập trung khai thác lò chợ CGH 11-1.14 đảm bảo công suất và chuẩn bị tốt các điều kiện để đầu quý III năm 2016 tiến hành chuyển diện lò chợ CGH 11-1.15 via 11(CT KT6)
- Lắp đặt hoàn thiện hệ thống vận tải lò xuyên via đặt băng tải mức -290; lò xuyên via đặt băng tải mức -300 và các dòng lò vận tải của lò chợ cơ giới hóa đồng bộ 7-2 via 7 và các hệ thống điều khiển giám sát tập trung; đa than nguyên khai vận tải theo giếng chính 3/2 từ tháng 8 năm 2016.
- Hoàn thiện toàn bộ dây chuyền sàng sơ tuyển than trên mặt bằng sân công nghiệp mức +75 với công suất 2,4 triệu tấn/năm bao gồm: Xông sàng(4 tầng) và các cầu băng tải, trạm chuyển tải số 1; bunke chứa than; khu vực kho chứa than mức +75



khả năng chứa 467.000 tấn; các dây truyền tuyển huyền phù tự sinh và tuyển cám bằng nước.

- Hoàn thiện các công trình còn lại trên mặt bằng sân công nghiệp mức +75 gồm: Trạm xử lý nước thải hầm lò công suất 4000m<sup>3</sup>/h, xống cơ giới hóa tổng hợp, hệ thống chiếu sáng sân công nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống vận tải chính mức -150 -:- -300 ; hệ thống Bunke mức -150, -290 khu II via 11 và lắp đặt toàn bộ thiết bị phục vụ đa than mức -150 xuống mức -300, hoàn thành trước 31/5/2016.

- Thi công hoàn thiện tuyến đường từ mặt bằng sân công nghiệp mức +28 lên mặt bằng sân công nghiệp mức +75, hoàn thành quý III năm 2016.

- Hoàn thiện hồ sơ và lập biện pháp thi công khoan tháo nước khu vực khai thác lò chợ dới đáy moong khai thác lộ thiên. Hoàn thành trước quý II năm 2016.

- Lắp đặt hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống điều khiển giám sát tập trung từ tháng 9/2016 bao gồm: Hệ thống định vị nhân sự trong hầm lò; hệ thống điện thoại không dây trong hầm lò; hệ thống camera truyền hình công nghệ trong hầm lò và mặt bằng tới các vị trí làm việc; hệ thống đàm thoại phóng thanh; hệ thống kiểm soát ngòi ra vào khai trường(Kiểm soát từ mặt bằng nhà xe đến các vị trí khai trường trong và ngoài lò). Thành lập trung tâm sản xuất tại mặt bằng sân công nghiệp +75 để điều hành và quản lý sản xuất toàn Công ty.

Nỗ lực thúc đẩy sản xuất để ổn định và phát triển bền vững, trọng tâm là sản xuất than, đẩy nhanh tiến độ hoàn công dự án khai thác than dưới -300. Nâng cao năng lực trên mọi lĩnh vực, thường xuyên cải thiện nâng cao điều kiện làm việc chăm lo tốt sức khỏe đời sống công nhân viên chức lao động vĩ mục tiêu : AN TOÀN – ĐỔI MỚI – TĂNG TRƯỞNG – HIỆU QUẢ.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm :**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.819.743.233.261	2.245.210.084.063
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DVụ	1.819.743.233.261	2.245.210.084.063
3	Giá vốn hàng bán	1.464.832.841.114	1.858.984.408.237
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DVụ	354.910.392.147	386.225.675.826

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

5	Doanh thu hoạt động tài chính	194.147.207	11.003.511.541
6	Chi phí tài chính	136.443.873.573	155.499.587.699
7	Chi phí bán hàng	42.619.656.385	35.344.140.361
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	135.065.265.855	169.722.490.768
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.975.743.541	36.662.968.539
10	Thu nhập khác	13.851.475.655	8.769054.269
11	Chi phí khác	7.797.695.464	5.600.489.689
12	Lợi nhuận khác	6.053.780.191	3.168.564.580
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.029.523.732	39.831.533.119
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.472.789.241	8.762.937.286
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.556.734.491	31.068.595.833
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.575,27	1.222,44
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đồng)	800	700

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch (CV6748)	Thực hiện năm 2015
<b>1</b>	<b>Quản trị tài nguyên</b>			
a	Bóc đất đá lộ thiên	1000m <sup>3</sup>	6 250	6477. 25
	Trong đó: Đất CBSX	„	6 250	6477. 25
	Đất XD CB	„		.
	* Hệ số bóc đất đá CBSX	m <sup>3</sup> /tấn	12.50	12.94
b	Đào lò tổng số	m	16 692	16 018



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

	Trong đó: Đào lò CBSX	„	14 700	14 008
	Đào lò XDCB	„	1 992	2 010
	* Hệ số đào lò CBSX	m/1000t	9.14	8. 506
<b>2</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>			
2.1	Than nguyên khai	1000t	2 150	2180.11
	- Lộ thiên	„	500	500.47
	- Hầm lò	„	1 650	1679.65
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1000t	672	472.16
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	2 022	2057.58
a	Than giao cho Công ty tuyển than Hòn Gai	„	1 150	1202.48
	- Than nguyên khai	„	1 150	1202.48
	- Than sạch	„		
b	Than giao cho Công ty kho vận Hòn Gai	„	872	855.09
	- Than nguyên khai	„	200	335.58
	- Than sạch	„	672	519.51
2.4	Than tồn kho	"	120	145.08
<b>3</b>	<b>Doanh thu tổng số</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>2 425 910</b>	<b>2 434 196</b>
3.1	Doanh thu sản xuất than	„	2 326 310	2 187 416
3.2	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	„	99 600	246 780
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>33 320</b>	<b>39 832</b>
	- Sản xuất than	„	33 320	36 105
	- Sản xuất khác	„		3 726

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách ban điều hành công ty:

a) Giám đốc điều hành Trần Mạnh Cường

- Họ tên : **TRẦN MẠNH CƯỜNG**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 18 tháng 4 năm 1973



- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Hà Lầm, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 100 576 247 do CA Quảng Ninh cấp ngày 19/6/2013
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác mỏ
- Quá trình công tác :

Quá trình công tác:

- Từ tháng 7/1992 – tháng 3/1994: Công nhân sàng xúc than – Mỏ Than Hà Lầm
- Từ tháng 4/1994 – tháng 8/1999: Công nhân sửa chữa cơ điện – Mỏ Than Hà Lầm
- Tháng 9/1999 – tháng 3/2000: Công nhân đào chống lò – Mỏ Than Hà Lầm
- Từ tháng 4/2000 – tháng 5/2003: Phó quản đốc Công trường lò – Công ty Than Hà Lầm
- Từ tháng 6/2003 – tháng 5/2007: Quản đốc công trường Lò - Công ty Than Hà Lầm TKV
- Từ tháng 6/2007 - đến tháng 9/2007: Trợ lý Giám đốc Công ty Than Hà Lầm - TKV.
- Từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2008: Phó giám đốc Công ty Than Hà Lầm - TKV
- Từ tháng 2/2008 – T6-2015: Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Hà Lầm - Vinacomin.
- Từ tháng 6/2015 – Nay: Giám đốc Công ty cổ phần Than Hà Lầm - Vinacomin.

- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc, Phó bí thư Đảng ủy công ty

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 1.702 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.702 cổ phần
  - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

**b) Phó Giám đốc VŨ NGỌC THẮNG:**

Họ và tên: Vũ Ngọc Thắng

- Giới tính: Nam- Ngày tháng năm sinh: 09 tháng 12 năm 1979





- Nơi sinh: Hạ long - Quảng Ninh  
- Quốc tịch: Việt Nam  
- Dân tộc: Kinh  
- Quê quán: Diên Hồng - Huyện Thanh Miện - Tỉnh Hải Dương  
- Số CMND: 100721152, ngày cấp 10 tháng 12 năm 2009, nơi cấp : công an tỉnh Quảng Ninh.

- Địa chỉ thường trú : Tổ 8 khu I Phường Yết Kiêu – Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại liên lạc: 0915043841
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:

Từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 6 năm 2002 là công nhân khai thác than hầm lò tại công trường 26 – Công ty than Hà lâm – Tổng công ty than Việt Nam.

Từ tháng 6 năm 2002 đến tháng 01 năm 2005 là cán bộ kỹ thuật phòng kỹ thuật mỏ – Công ty than Hà lâm– Tổng công ty than Việt Nam.

Từ tháng 01 năm 2005 đến tháng 12 năm 2006 giữ chức vụ Phó trưởng phòng - phòng kỹ thuật phòng kỹ thuật mỏ – Công ty than Hà lâm– Tổng công ty than Việt Nam.

Từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 6 năm 2007 giữ chức vụ Quyền trưởng phòng – phòng kỹ thuật phòng kỹ thuật mỏ – Công ty than Hà lâm– Tổng công ty than Việt Nam.

Từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 2 năm 2009 giữ chức vụ Trưởng phòng – phòng kỹ thuật phòng kỹ thuật mỏ – Công ty cổ phần than Hà lâm– Tập đoàn CN than - KS Việt Nam.

Từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 1 năm 2010 giữ chức vụ Quản đốc công trường KTCB3 - Công ty CP than Hà lâm – TKV - Tập đoàn CN than - KS Việt Nam.

Từ tháng 1 năm 2010 đến tháng 5 năm 2010 giữ chức vụ Quản đốc công trường Khai thác 5 - Công ty CP than Hà lâm – TKV - Tập đoàn CN than - KS Việt Nam.

Từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 4 năm 2012 giữ chức vụ Trưởng phòng – phòng kỹ thuật phòng kỹ thuật mỏ – Công ty cổ phần than Hà lâm– Vinacomin - Tập đoàn CN than - KS Việt Nam .



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 10 năm 2015 giữ chức vụ Phó giám đốc ban quản lý dự án- Công ty cổ phần than Hà lâm- Vinacomin - Tập đoàn CN than - KS Việt Nam .

Từ tháng 10 năm 2015 đến nay giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty cổ phần than Hà lâm- Vinacomin.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần than Hà lâm - Vinacomin.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.421 cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.421 cổ phần
- Đại diện phần vốn Nhà nước: không

### c) Phó Giám đốc Trương Ngọc Linh:

- Họ và tên: **TRƯƠNG NGỌC LINH**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/9/1976
- Nơi sinh: Vĩnh Bảo – Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Bảo – Hải Phòng
- Số CMND: 100650427
- Địa chỉ thường trú: Tổ 12 – Khu 3 – Phường Hà LÂM – Thành phố Hạ Long – Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 033.617.105
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 6/1997 – tháng 7/1997: Công nhân Vận tải lò Mỏ Than Hà LÂM
  - Từ tháng 7/1997 – tháng 6/2003: Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Than Hà LÂM
  - Tháng 7/2003 – 15/3/2005: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Than Hà LÂM



- Từ 16/3/2005 – 20/3/2005: Trưởng phòng An toàn Công ty Than Hà Lầm
- Từ 20/3/2005 – 20/5/2005: Trợ lý Giám đốc Công ty Than Hà Lầm
- Từ 21/5/2005 - tháng 10/2005: Quản đốc công trường KTCB1 Công ty than Hà Lầm
- Từ tháng 11/2005 - tháng 9/2006 : Trợ lý Giám đốc Công ty Than Hà Lầm
- Từ tháng 10/2006 đến 1/2008: Phó giám đốc Công ty Than Hà Lầm - VINACOMIN

- Chức vụ công tác hiện nay: UV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 961 cổ phần

Trong đó:

➤ Sở hữu cá nhân: 961 cổ phần

➤ Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

d) Phó Giám đốc Phạm Khắc Thù:

Họ và tên: **PHẠM KHẮC THÙ**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1957

- Nơi sinh: Thụy Việt – Thái Thụy – Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Thụy Việt – Thái Thụy – Thái Bình

- Số CMND: 100011117

- Địa chỉ thường trú: Tổ 1 – Khu 1 – Phường Hà Lầm – Thành phố Hạ Long –  
Quảng Ninh

- Điện thoại liên lạc: 0913.265.644

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

- Quá trình công tác:



- Từ tháng 11/1977 – tháng 10/1978: Học sinh trường Công nhân kỹ thuật – Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 11/1978 – tháng 3/1985: Công nhân đào chống lò - Mỏ Than Hà Lâm
- Tháng 4/1985 – tháng 3/1991: Phó quản đốc Công trường lò - Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 4/1991 – tháng 6/1995: Quản đốc Công trường VC28 – Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 7/1995 – tháng 5/2003: Trưởng phòng KCS Công ty than Hà Lâm
- Từ tháng 6/2006 - tháng 1/2008: Phó giám đốc công ty than Hà Lâm - TKV
- Từ tháng 2/2008 - Nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV nay là Công ty cổ phần than Hà Lâm Vinacomin.

➤ - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 2.790 cổ phần

Trong đó:

➤ Sở hữu cá nhân: 2.790 cổ phần

➤ Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

**e, Phó Giám đốc Nguyễn Văn Sơn:**

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN SƠN**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 18/4/1967

- Nơi sinh: Quan Thánh – Ba Đình – Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quan Thánh – Ba Đình – Hà Nội

- Số CMND: 100556499

- Địa chỉ thường trú: Tổ 5 – Khu 4 – Phường Hà Lâm – Thành phố Hạ Long – Quảng Ninh

- Điện thoại liên lạc: 0912.903.252

- Trình độ văn hóa: 10/10



- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ điện

- Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/1986 – tháng 2/1988: Công nhân sửa chữa cơ điện Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 3/1988 – tháng 2/1991: Bộ đội D9 Phòng Tham mưu phòng không F369 Quảng Ninh
- Tháng 3/1991 – tháng 9/1998: Công nhân sửa chữa cơ điện Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 10/1998 – tháng 5/2001: Ca trưởng Cơ điện Công trường VC28 – Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 6/2001 – tháng 4/2006: Nhân viên phòng Cơ điện – Công ty Than Hà Lâm
- Từ tháng 5/2006 – tháng 1/2007: Phó phòng Cơ điện Công ty Than Hà Lâm
- Từ tháng 2/2008 – Tháng 2/2009: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Cơ điện Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV
- Từ tháng 2/2009 – Tháng 4-2013 : Ủy viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Cơ điện Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin
- Từ tháng 5/2013 – Nay: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc công ty

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.341 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 4.341 cổ phần
- Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

**f, Phó Giám đốc Cao Việt Phương:**

Họ và tên: **CAO VIỆT PHƯƠNG**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 23 - 12 - 1978



- Nơi sinh: Hạ Long - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh phong – Thanh Niêm – Hà Nam Ninh
- Số CMND: 100 729 452
- Địa chỉ thường trú: Hòn gai - Hạ Long - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 091 2 575 737
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ, Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác:
- Từ 2000 – 2001: Công nhân khai thác hầm lò - Công ty than Hà Lâm
  - Từ 2001 - 2004: Cán bộ kỹ thuật - Công ty than Hà Lâm
  - Từ 2004 - 2007: Bí thư ĐTN – Phó phòng Thông gió Công ty Than Hà Lâm - TKV
  - Từ 2007 – 2008: Quản đốc công trường khai thác Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV.
  - Từ 2008 - 2010 Trưởng phòng an toàn Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - VINACOMIN.
- Từ 2010 đến nay Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - VINACOMIN
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.239cổ phần
- Trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 1.239cổ phần
  - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

e. Kế toán Trưởng : Chu Duy Hải:



Họ và tên: **CHU DUY HẢI**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1959

- Nơi sinh: Hà Trung – Hạ Long – Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tiên Tân – Duy Tiên – Hà Nam

- Số CMND: 100413160

- Địa chỉ thường trú: Tổ 42 – Khu 4 – Phường Hà Trung – Thành phố Hạ Long – Quảng Ninh

- Điện thoại liên lạc: 0913.268.478

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế

- Quá trình công tác:

- Từ tháng 3/1979 – tháng 10/1983: Công nhân xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy Hạ Long – Quảng Ninh
- Từ tháng 11/1983 – tháng 12/1989: Công nhân bốc vác vật liệu – Mỏ Than Hà Lâm
- Tháng 01/1990 – tháng 02/1992: Nhân viên Phòng cung cấp – Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 9/1992 – tháng 3/1995: Nhân viên phòng kế toán tài chính – Mỏ Than Hà Lâm
- Từ tháng 4/1995 – tháng 9/1996: Phó phòng KTVT - Mỏ than Hà Lâm
- Từ tháng 10/1996 - tháng 01/2008: Kế toán trưởng - Công ty than Hà Lâm - TKV
- Từ tháng 2/2008 - Nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Than Hà Lâm - VINACOMIN.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 10.587 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.587 cổ phần



- Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:  
(Không)
  - Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát.  
(Không)
  - Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác
    - + Giao dịch giữa Công ty với công ty thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian 03 năm trở lại đây (tính đến thời điểm lập báo cáo).  
(không)
    - + Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành.  
(không)
    - + Giao dịch khác của Công ty (nếu có) mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành.  
(không)
  - Những thay đổi trong ban điều hành :
    - + Ông Nguyễn Mạnh Cường được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty kể từ ngày 02/06/2015 theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 02/06/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.
    - + Ông Ngô Thế Phiệt thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 02/06/2015 theo Quyết định số 82/QĐ-HĐQT ngày 02/06/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.
    - + Ông Cao Việt Phương được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 86/QĐ-HĐQT ngày 02/06/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.
    - + Ông Vũ Ngọc Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty kể từ ngày 1/11/2015 theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.
  - Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2015 là: 3.870 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 474 người trong đó đại học trở lên 426 người, cao đẳng 19 người, trung cấp 29 người. Công nhân là: 3.396 người, trong đó: đại học trở lên là 376 người, cao đẳng 185 người, Trung cấp, CNKT, chưa qua đào tạo là 2.8354 người. Năm 2015, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập ổn định đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:





## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2015 Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin điều chỉnh Công ty lập và được Tập đoàn TKV thông qua tại công văn số: 5417/TKV-ĐT ngày 04/11/2015 với tổng giá trị là 1.283.729 triệu đồng trong đó:

- + Xây lắp: 435.344 triệu đồng.
- + Thiết bị: 801.993 triệu đồng.
- + KTCB khác: 46.392 triệu đồng

Trên cơ sở kế hoạch được giao, năm 2015 Công ty thực hiện ĐTXD các công trình với giá trị 896.876 triệu đồng tương đương 69,9% kế hoạch, trong đó:

- + Xây lắp: 328.591 triệu đồng tương đương 75,5% kế hoạch.
- + Thiết bị: 521.839 triệu đồng tương đương 65,1% kế hoạch.

+ KTCB khác: 46.446 triệu đồng tương đương 100,1% kế hoạch

### a) Các khoản đầu tư lớn:

\* Dự án Đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm – Công ty than Hà Lâm:

Giá trị thực hiện dự án đến 31/12/2015 đạt được như sau:

*DVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung công việc	KH điều chỉnh được giao	Thực hiện năm 2015	% thực hiện so với KH
	Dự án nhóm A	<b>1.206.540</b>	<b>848.295</b>	<b>70,3%</b>
1	Xây lắp	423.761	328.357	77,5%
2	Chi phí thiết bị	742.925	476.695	64,2%
3	Chi phí tư vấn và chi phí khác	39.855	43.243	108,5%

### 1. Xây lắp hầm lò:

Công ty đã tổ chức thi công hoàn thiện các đường lò Trạm biến áp trung khu khai thác, lò xuyên vỉa thông gió mức -280I, lò thượng thông gió mức -255 ÷ -280. Công ty đang tổ chức triển khai thi công các đường lò chuẩn bị lò chợ 7.2.1 vỉa 7 và đổ bê tông vỏ chống cố định một số hạng mục công trình như: Kho thuốc nổ, lò chứa nước đáy giếng chính và Bun ke số 1 + 2 v.v... Tổng khối lượng mét lò thực hiện đến 31/12/2015 đạt 1.967m/1.992m

- Lò chợ CGH đồng bộ 11.1 vỉa 11, công suất 600.000 tấn/ năm: Hiện tại, Lò chợ đang trong quá trình khấu bình thường. Sản lượng lò chợ đến hết 31/12/2015 đạt khoảng 300 000 tấn than nguyên khai.

- Đối với lò chợ CGH đồng bộ 7.2.1 vỉa 7, công suất 1,2 triệu tấn/ năm: Công ty đang triển khai đào các đường lò chuẩn bị lò chợ, dự kiến đến quý I năm 2016 sẽ thi công xong và quý IV năm 2016 sẽ tiến hành khai thác lò chợ CGH đồng bộ 7.2.1 vỉa 7, công suất 1,2 triệu tấn/năm.

### 2. Xây lắp mặt bằng:



- Gói thầu Thi công xây dựng Xưởng sàng (4 tầng): Công trình đã thi công xây dựng xong hoàn thành trong tháng 8 năm 2015, hiện đang chuẩn bị để tiến hành lắp đặt thiết bị.
- Gói thầu thi công xây dựng hệ thống cầu băng tải, trạm chuyển tải trên mặt bằng sân công nghiệp Công ty đang tổ chức thi công và theo tiến độ dự kiến tháng 3/2016 sẽ hoàn thiện công trình.
- Gói thầu Thi công xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt: Hiện tại hạng mục công trình đã thi công hoàn thành hạng mục công trình trong tháng 9/2015.
- Gói thầu Trạm xử lý nước thải hầm lò đã hoàn thành TKKT và dự toán, dự kiến quý I/2016 sẽ tổ chức lựa chọn nhà thầu.
- Gói thầu Trạm phát điện diesel dự phòng: Đã thi công xây dựng xong và đưa công trình vào khai thác sử dụng trong tháng 9 năm 2015.
- Gói thầu thi công xây dựng Xưởng sửa chữa cơ giới hóa tổng hợp. Hạng mục này đã khởi công xây dựng tháng 5/2015 và hoàn thiện đưa vào sử dụng từ giữa tháng 9 năm 2015.
- Gói thầu thi công xây dựng sân bãi cấp phối S4: Hiện tại hạng mục đã thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### **3. Công tác mua sắm, lắp đặt thiết bị:**

- + Lò chợ CGH đồng bộ 11.1 via 11, công suất 600.000 tấn/ năm: hệ thống lò chợ đang trong quá trình hoạt động bình thường.
- + Gói thầu Cung cấp và hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị Trạm quạt gió số 1. Cuối tháng 4/2015 đã lắp đặt xong và đưa vào vận hành.
- + Gói thầu cung cấp hệ thống cung cấp khí nén: Cuối tháng 5/2015, thiết bị về tới khai trường sản xuất của Công ty, hiện đã được đưa vào lắp đặt sử dụng.
- + Gói thầu Cung cấp, lắp đặt thiết bị băng tải than phục vụ khai thác via 11: Hiện tại công ty đã lắp đặt xong hệ thống băng tải và hoạt động bình thường.
- Thiết bị Hầm bơm, Trạm điện trung tâm mức -300 giai đoạn 1: Công ty đã tổ chức triển khai lắp đặt hoàn thiện và đưa vào sử dụng giai đoạn 1 (vận hành 06 bơm tại Hầm bơm mức -300) vào đầu tháng 2/2015.
- Gói thầu Cung cấp và hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị Trạm quạt gió số 1: Công ty đã lắp đặt xong và đưa vào vận hành trong tháng 4/2015.
- Các gói thầu: cung cấp hệ thống cung cấp khí nén và Cung cấp hệ thống cung cấp nước sản xuất và nước cứu hoả trong lò Công ty đang tổ chức triển khai lắp đặt và đưa vào sử dụng trong tháng 9 năm 2015.
- Gói thầu: Mua sắm, lắp đặt, hướng dẫn vận hành hệ thống thiết bị lò chợ CGH đồng bộ 7-2.1 Via 7 : Hiện tại Công ty đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.
- Gói thầu :Cung cấp, lắp đặt Hệ thống băng tải và thiết bị xưởng sàng Công ty đã đăng tải thông tin mời thầu, theo tiến độ dự kiến cuối tháng 8/2016 sẽ hoàn thiện công trình và lắp đặt thiết bị phục vụ sản xuất trước khi lò chợ lò chợ CGH đồng bộ 7-2.1 Via 7 đưa vào hoạt động .



#### 4. Các công việc khác:

- Tiếp tục phối hợp với tư vấn thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán xây dựng của các hạng mục công trình còn lại của dự án.

- Tổ chức thực hiện dự án theo tiến độ và kế hoạch XD/CB hàng năm được TKV giao.

#### **\*/ Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện dự án:**

##### 1./ Thuận lợi:

Quá trình thực hiện dự án Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn của Tập đoàn, kịp thời giải quyết và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nên dự án thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng.

##### 2./ Khó khăn:

- Do đây là dự án khai thông bằng giếng đứng có độ sâu lớn đầu tiên nên Công ty gặp một số khó khăn về công tác tổ chức thực hiện, một số công việc thực hiện chưa đồng bộ nên vẫn còn thời gian giãn cách trong quá trình thực hiện.

- Một số công việc (gói thầu) phải tổ chức đấu thầu Quốc tế nên thời gian tổ chức lựa chọn Nhà thầu kéo dài và phải tổ chức lựa chọn nhà thầu lần 2, các hệ thống giám sát, điều khiển tập trung, giám sát an toàn mở ... có khối lượng lớn, công nghệ phức tạp các đơn vị trong ngành chưa áp dụng nên phải tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu công nghệ đặc biệt là hệ thống thiết bị lò chợ CGH đồng bộ có thu hồi than nóc công suất lớn lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam...

- Do các đường lò chuẩn bị lò chợ cơ giới hóa đồng bộ 7.2.1 via 7 công suất 1200 000 tấn/năm thi công có chiều dài lớn, phải sử dụng nhiều thiết bị vận tải (05 băng tải, 02 máng cào), điều kiện địa chất thay đổi có nhiều phay nhỏ xuất hiện trong quá trình thi công, than lò rời, khu vực áp lực lớn nên khó khăn cho quá trình cơ giới hóa, thường xuyên phải điều chỉnh dây chuyền công nghệ thi công (Từ combai sang đào thủ công khoan nổ mìn và ngược lại) và củng cố tăng cường, sửa chữa chống xén để đảm bảo duy trì tiết diện đường lò phục vụ vận tải, thông gió.

#### **\*Các dự án nhóm C và BCKTKT:**

1. Dự án Mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất số 1/2014 thực hiện đạt 11.061 triệu đồng tương đương 74% kế hoạch.

2. Dự án Mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất số 1/2015 thực hiện đạt 31.912 triệu đồng tương đương 75,8% kế hoạch.

3. Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên khu II via 11 thực hiện đạt 2.989 triệu đồng tương đương 55,2% kế hoạch.

4. BCKTKT Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt cho nhà tập thể công nhân và nhà điều hành sản xuất: Công trình thực hiện đạt 100% kế hoạch với giá trị thực hiện 2.619 triệu đồng.

Các công việc khác thực hiện đảm bảo theo tiến độ và kế hoạch được giao.



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

Quá trình thực hiện ĐTXD luôn đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính :**

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.648.163.568.765	3.200.404.610.625	120.85
Doanh thu thuần	1.819.743.233.261	2.245.210.084.063	123.38
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	40.975.743.541	36.478.974.389	89.47
Lợi nhuận khác	6.053.780.191	3.168.564.580	52.34
Lợi nhuận trước thuế	47.029.523.732	39.647.538.969	84.69
Lợi nhuận sau thuế	36.556.734.491	30.920.018.196	84.99
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	954.65	854.98	89.56

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	110.7	93.18
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	9.67	6.82
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	90.39	91.93
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	100	100
3	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>		
	- Khả năng thanh toán nhanh	0.0009	0.0002
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1.106	1.088
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.97	1.38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	2.01	1.38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	14.37	12.02
5	<b>Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)</b>	11.38	7.82

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 25.415.199 cổ phần, số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 25.415.199 cổ phần, số phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông :

Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 10/3/2016

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỉ lệ
<b>A</b>	<b>TỔ CHỨC</b>	<b>20</b>	<b>19.945.407</b>	<b>78.48</b>
1	Trong nước	15	18.878.611	74.28
2	Nước ngoài	05	1.066.796	4.2
<b>B</b>	<b>CÁ NHÂN</b>	<b>3.878</b>	<b>5.469.792</b>	<b>21.52</b>
1	Trong nước	3.867	5.207.841	20.49
2	Nước ngoài	11	261.951	1.03
	<b><u>TỔNG CỘNG</u></b>	<b>3.898</b>	<b>25.415.199</b>	<b>100,00</b>

Công ty có 01 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty, đó là: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 74.21%;

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24/4/2015, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 2.208.578 cổ phiếu tương đương 22.085.780.000 đồng, vốn chủ sở hữu sau khi phát hành là 254.151.990.000 đồng. Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận hồ sơ tăng vốn, hoàn tất thủ tục và việc tăng vốn đã được thực hiện vào ngày 22/7/2015. Công ty đã được chấp thuận niêm yết bổ sung 2.208.578 cổ phiếu theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 21/10/2015 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

6.1- Về cấp nước và xử lý nước thải:

\* Về cấp nước:

- Khối lượng nước sử dụng trung bình: 1 743 m<sup>3</sup>/ngày

Trong đó: - Nước cấp cho sinh hoạt: 730 m<sup>3</sup>/ngày

- Nước cấp cho sản xuất: 1 013 m<sup>3</sup>/ngày



- Nguồn cung cấp nước:

- Trong đó: + Nước ngầm: 0 m<sup>3</sup>/ngày;
- + Nước máy: Trung bình 370 m<sup>3</sup>/ngày;
- + Nước mặt khác: 0 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Nguồn nước đã qua xử lý từ nước thải hầm lò để tái sử dụng trung bình: 1 373 m<sup>3</sup>/ngày.

\*Về nước thải:

- + Nước thải sinh hoạt khu nhà điều hành: 6 048 m<sup>3</sup>; trung bình: 33.6 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Nước thải sinh hoạt khu tập thể công nhân: 16 848 m<sup>3</sup>; trung bình: 93.6 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Nước mưa chảy tràn bề mặt kho than +28: 14 940 m<sup>3</sup>; 83 m<sup>3</sup>/ngđ

- Hệ thống xử lý nước thải: Có

Công ty đã xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đối với khu vực nhà tập thể công nhân và khu vực trụ sở Văn phòng nhà điều hành sản xuất

Hiện tại các hệ thống xử lý trên đang trong thời gian vận hành thử nghiệm. Dự kiến hệ thống sẽ đưa vào vận hành chính thức trong cuối tháng 1 năm 2016.

- Phương pháp xử lý:

- + Xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ vi sinh kết hợp hóa lý
- + Xử lý nước mưa chảy tràn bề mặt kho than bằng biện pháp lắng cơ học – lắng qua hồ lắng
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Hà Lầm, phường Hà Lầm, thành phố Hạ Long
- Đăng ký cấp phép xả nước thải vào nguồn nước: Có (Số 206/GP-UBND ngày 8/5/2014)
- Khai và nộp phí BVMT đối với nước thải: Có ( 4 lần/năm)
- Những vấn đề còn tồn tại: Không

6.2- Về khí thải:

- Khí thải phát sinh từ: Các thiết bị trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển than.
- Hệ thống xử lý khí thải: Không
- Công nghệ xử lý khí thải: Không
- Những vấn đề còn tồn tại: Không

6.3. Về quản lý chất thải rắn:

- Rác thải sinh hoạt: Chủ yếu là rác thải phát sinh từ các nhà ăn công nghiệp, khu tập thể công nhân và khu văn phòng của Công ty. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong 6 tháng cuối năm 2015: 220 tấn

- Phương pháp quản lý và xử lý:

+ Toàn bộ rác thải sinh hoạt của Công ty được thu gom sau đó Hợp đồng với Công ty CP đầu tư và phát triển Môi trường đô thị Quảng Ninh vào vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đất đá thải được đổ thải tại các bãi thải của Công ty đã được phê duyệt

- Những vấn đề còn tồn tại: Không

6.4- Quản lý chất thải nguy hại:

Công ty cổ phần than Hà Lầm – Vinacomin đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại lần 5 ngày 11/12/2014. Mã số QLCTNH 22000137.T



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

- Khối lượng phát sinh và chủng loại chất thải nguy hại phát sinh trong 6 tháng cuối năm 2015: 15 219 kg, trong đó:

- + Dầu thải: 8 630 kg
- + Pin/ắc quy chì thải: 1 502 kg
- + Các loại ắc quy thải khác: 232 kg
- + Các thiết bị, linh kiện điện tử thải, thiết bị điện có thành phần nguy hại: 525 kg
- + Bộ lọc dầu đã qua sử dụng: 1 050 kg
- + Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ phi nhiễm dầu): 2 210 kg
- + Rẻ lau nhiễm dầu mỡ thải: 350 kg
- + Các chi tiết bộ phận của phanh đã qua sử dụng: 80 kg
- + Bóng đèn huỳnh quang thải: 15 kg
- + Hộp mực in thải: 45 kg
- + Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn): 30 kg
- + Chất thải vô cơ có chứa thành phần nguy hại: 550 kg

- Thực hiện đăng ký, quản lý chất thải nguy hại theo quy định: Đã thực hiện

- Thực hiện thu gom, phân loại: Có

- Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với: Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV (Hợp đồng nguyên tắc số 03/HĐNT/2015/MT-KHVT ngày 05/01/2015).

6.5- Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường: Có (4 lần/năm)

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường- Vinacomin tổ chức quan trắc môi trường định kỳ 4 đợt/năm tại Công ty theo đúng nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Kết quả quan trắc môi trường nước, môi trường không khí đều đạt quy chuẩn cho phép

Toàn bộ báo cáo quan trắc môi trường quý 3, quý 4 năm 2015, Công ty nộp về Chi cục BVMT- Sở Tài nguyên và môi trường theo quy định.

6.6- Tình hình thực hiện các nội dung theo báo cáo ĐTM được duyệt:

Công ty đã thực hiện các nội dung theo các báo cáo ĐTM được duyệt và đã được Tổng Cục Môi trường cấp các Giấy xác nhận sau:

+ Giấy xác nhận số 52/GXN –TCMT ngày 25/6/2014 của Tổng cục Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác phần ngầm dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm”

+ Giấy xác nhận số 53/GXN –TCMT ngày 25/6/2014 của Tổng cục Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Duy trì và mở rộng khai thác phần ngầm -50 -:- Lộ vỉa than Hà Lâm, Khai thác lộ thiên khu Tây phay K Hữu Nghị mỏ than Hà Lâm”

+ Giấy xác nhận số 113/GXN –TCMT ngày 22/12/2014 của Tổng cục Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án: “Cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên khu II vỉa 11- Công ty CP than Hà Lâm- Vinacomin”

6.7 Sự cố môi trường: Không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:



**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2015, Công ty đã đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Công ty sản xuất đạt : 2180 nghìn tấn than nguyên khai, đạt 101,4% so KH năm, trong đó: Hàm lò 1680 nghìn tấn, lộ thiên: 500 nghìn tấn. Đất đá bóc xúc CBSX: 6477 nghìn m<sup>3</sup> đạt 103,6% so với KH năm, đào lò CBSX: 14.008m đạt 95.25% so với KH năm. Than tiêu thụ tổng số: 2058 nghìn tấn. Lợi nhuận than đạt: 40 815 tr.đ. Tiền lương bình quân 10.807 ngàn đồng/người/tháng.

\*/ Than tồn kho : Tổng lượng than tồn kho đến ngày 31/12/2015 là: 145 nghìn tấn, trong đó có: than nguyên khai tồn 104 nghìn tấn.

**2. Tình hình tài chính:**

- Hệ số đào lò CBSX thực hiện năm 2015: 8,506/9,145 m/1000tấn giảm: 0,638m/1000tấn nên giảm giá thành: 22.434 trđ

- Cung độ vận chuyển đất đá lộ thiên thực hiện năm 2015: 2,240km/kế hoạch 2.872 km nên giảm giá thành: 56.448 trđ

- Tỷ lệ đất đá nổ mìn thực hiện năm 2015: 57,8/65,3% nên giảm giá thành: 8 825 trđ.

- Chi phí mở mỏ hạ tầng( khấu hao nhà cửa vật kiến trúc) thực hiện năm 2015: 91 750 tr.đ so với kế hoạch: 128.507 tr.đ nên giảm giá thành: 38 557 tr.đ.

- Giá Diesel thực hiện năm 2015: 13.596 đ/lít so với kế hoạch: 17 240 đ/lít Tr.đ nên giảm giá thành: 32.224 Tr.đ.

Trong năm 2015, mặc dù gặp nhiều khó khăn như: Điều kiện địa chất các khu vực phức tạp, có nhiều play phá dẫn đến lò đào phải đào qua play phải cắt đá, một số lò chợ khấu play và khấu vét lớp trụ phải tăng chi phí cải tạo lò chợ, làm tăng chi phí, cùng với diện sản xuất ngày càng đi sâu, xuống xa, các khu vực khai thác đào lò nhỏ lẻ không tập trung, cung độ vận tải dài, điều kiện vận chuyển khó khăn.

- Hệ số mét lò CBSX: Giảm so với kế hoạch, hệ số bóc đất sản xuất thực hiện: 8,51(m<sup>3</sup>/T)/ 9,14(m<sup>3</sup>/T) Nguyên nhân: Do sản lượng than hàm lò khai thác tăng 29 645 tấn trong khi mét lò đào CBSX đạt 95,25% so với kế hoạch dẫn đến hệ số mét lò CBSX giảm.

- Tỷ lệ đất đá nổ mìn lộ thiên : Thực hiện năm 2015 đạt: 57.8%/59.46% kế hoạch.

Nguyên nhân: đất khu vực khu II và 11 bị nứt nẻ và mất liên kết do khai thác lò cũ trước đây dẫn đến không thể khoan nổ mìn theo hộ chiếu, và do nằm cạnh các công trình công nghiệp, kho than và các đường lò đang sử dụng gây khó khăn cho công tác nổ mìn.

**Trong công tác khoán chi phí nội bộ, Công ty đã khoán chỉ tiêu Ak than nguyên khai bình quân cho từng đơn vị sản xuất than; đã tổ chức khoán chi phí theo năm và theo quý đến các công trường, phân xưởng và các đầu xe máy, thiết bị vận tải. Hệ thống định mức khoán**





*được thường xuyên rà soát kỹ, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện sản xuất thực tiễn, đã khuyến khích được sản xuất.*

Duy trì khoán các yếu tố chi phí gắn liền với chất lượng sản phẩm, tổ chức khoán và kiểm soát chất lượng dòng than từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, tồn kho. Khoán và kiểm soát chi phí theo quý; theo đó tiết kiệm được cộng 60% vào thu nhập, bội chi trừ 100% vào thu nhập. Có nghiệm thu và rút kinh nghiệm định kỳ hàng quý.

Công tác tiết kiệm chi phí sản xuất được quan tâm chỉ đạo thường xuyên hàng năm. Trong năm 2015, triển khai công tác điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo hợp đồng với TKV, thực hiện theo chỉ thị số 125/CT – VINACOMIN ngày 27/08/2013 của Tổng giám đốc VINACOMIN. Công ty đã ban hành quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, bao gồm các nhóm giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch SXKD và tiết giảm chi phí năm 2015 tại quyết định số 175/QĐ-HLC ngày 14/01/2015. Và đề cụ thể hoá thành phương án tiết giảm chi phí bằng việc ban hành quyết định số 1043/QĐ-HLC ngày 16/3/2015 “V/v Ban hành chương trình hành động tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, vốn, tài sản và lao động năm 2015 theo chỉ thị số 125 của Tổng giám đốc VINACOMIN”. Công tác quản trị chi phí giá thành đã được gắn liền với tiết kiệm chi phí, có kiểm soát và được triển khai đồng bộ từ Công ty đến các công trường, phân xưởng, trong đó đã đề ra phương án thực hành tiết kiệm như: tiết kiệm nhiên liệu, động lực, thép chống lò và ray thu hồi, chi phí sửa chữa thiết bị, nâng cao chất lượng than sản xuất, tăng năng suất lao động .... Bằng việc tuyên truyền thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến tận người lao động, từ đó có cảm kết tiết giảm chi phí từ các công trường phân xưởng. Khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy các sáng kiến hợp lý hoá sản xuất.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

Ban giám đốc công ty đã thực hiện đúng nghị quyết của đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các quy chế, quy định của Tập đoàn TKV và quy định của pháp luật có liên quan,

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã trình HĐQT thực hiện sắp xếp lại tổ chức, giảm số lượng phòng tham mưu, giám biên chế lao động gián tiếp, tăng cường và ưu tiên chế độ cho thợ lò... Duy trì khoán các yếu tố chi phí gắn liền với chất lượng sản phẩm, tổ chức khoán và kiểm soát chất lượng dòng than từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, tồn kho.

b) Trình HĐQT phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật mới có liên quan.

c) Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu tăng vốn điều lệ đảm bảo đúng quyết định của Đại hội đồng cổ đông.; thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức khoán chi phí theo năm và theo quý đến các công trường, phân xưởng và các đầu xe máy, thiết bị vận tải nhằm tăng cường quản lý và kiểm soát chi phí ngày một chặt chẽ, tăng hiệu quả huy động sử dụng máy móc thiết bị.



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

e) Đưa cơ giới hóa khai thác lò chợ 600.000 tấn/năm vào hoạt động và mời thầu gói thầu cơ giới hóa khai thác lò chợ 1.200.000 tấn/năm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng than, tiết kiệm chi phí và tài nguyên.

g) Đầu tư XDCB có trọng tâm, trọng điểm nhằm tiết kiệm đầu tư và phát huy hiệu quả đầu tư.

d) Chủ động, kịp thời ứng phó với thiên tai trong suốt quá trình SX. Do đó, thiệt hại do trận mưa lịch sử tháng 7 và tháng 8/2015 không gây tổn thất nhiều cho Công ty. Công ty giữ được diện SX, thu nhập của người lao động ổn định, trật tự doanh nghiệp được giữ vững.

e) Công tác bảo vệ: Công ty đã xây dựng các phương án, kế hoạch và triển khai thực hiện công tác an ninh tự quản, tổ chức lắp đặt camera tại nhiều vị trí để kiểm soát ra, vào khai thường của Công ty. Tăng cường bảo vệ ranh giới mỏ, chống khai thác, chế biến, vận chuyển than trái phép; tăng cường tuần tra canh gác và phối hợp với lực lượng Công an, Quân đội đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ tài sản của Công ty.

g) Điều hành Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2015; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.....

Năm 2015, Ban Giám đốc Công ty điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội ĐCĐTN 2015 và các Nghị quyết của HĐQT.

Quá trình điều hành linh hoạt, báo cáo kịp thời với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSXKD; không có nợ quá hạn, nợ khó đòi.

### V. Quản trị công ty/:

#### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT	Người đại diện phần vốn của TKV, thành viên giữ chức vụ quản lý, điều hành Công ty
2	Phạm Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập
3	Vũ Ngọc Thắng	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập
4	Trần Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập
5	Trương Ngọc Linh	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập
6	Vũ Thanh Nhân	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập – Đã thôi giữ chức vụ
7	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập – Đã thôi giữ chức vụ

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không



c) Hoạt động của Hội đồng quản trị :

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
1	Số: 28/NQ-HĐQT	05/02/2015	Phê duyệt - Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập năm 2015; - Quy chế Quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý; Quỹ thi đua - Khen thưởng. - Quy chế Tuyển dụng và quản lý lao động. - Quy chế Quản lý Tài chính - Quy chế Thi đua-Khen thưởng - Kế hoạch SXKD năm 2015 - Quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và nội dung đại hội
2	Số: 29/NQ-HĐQT	27/2/2015	Phê duyệt: - Cho cán bộ nghỉ hưu và bổ nhiệm, điều động cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý: - Phân phối lợi nhuận năm 2014
3	Số: 30/NQ-HĐQT	30/3/2015	Phê duyệt các nội dung sau: -Quỹ tiền lương thực hiện năm 2014. -Phương án tăng vốn điều lệ -Bổ sung ngành nghề kinh doanh trình ĐHCĐ - Dự kiến mức cổ tức thanh toán năm 2015 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thấp nhất là 6% (Sáu phần trăm)/Vốn điều lệ. - Nghe báo cáo về kết quả chuẩn bị tài liệu ĐHCĐ và giao cho Chủ tịch HĐQT duyệt tài liệu của HĐQT trình ĐH.
4	Số: 31/NQ-HĐQT	09/4/2015	Phê duyệt kết quả nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ thuộc diện Hội đồng quản trị Công ty quản lý năm 2014.
5	Số 32/NQ-HĐQT	18/4/2015	Phê duyệt - Bổ sung Phương án thi công đào, chống lò bằng vì neo kết hợp với lưới thép bê tông phun đối với các đường lò đá mềm vào kế hoạch năm 2015 - Bổ sung về mặt chủ trương đầu tư Dự án: Áp dụng công nghệ khoan tháo khí Mêtan với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 30 (Ba mươi) tỷ đồng vào kế hoạch năm 2015
6	Số 33/NQ-HĐQT	05/5/2015	Thông qua việc triển khai phương án tăng vốn Điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tinh thần

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

TT	Số Nghị quyết	Ngày hăp	Nội dung
			Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tăng thêm 22.101.540.000đ; Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành thêm là 254.167.750.000đồng;
7	Số 34/NQ-HĐQT	02/6/2015	<p>Phê duyệt KH lựa chọn Nhà thầu các gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gói thầu Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt và vận hành thiết bị lò chợ CGH đồng bộ lò chợ 7-2 Via 7:</li><li>- Gói thầu Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp hướng dẫn lắp đặt và vận hành thiết bị lò chợ CGH đồng bộ Via 7:</li><li>- Gói thầu Giám sát thi công lắp đặt thiết bị lò chợ CGH đồng bộ lò chợ 7-2 Via 7:</li><li>- Gói thầu Thi công xây dựng hệ thống cầu băng tải, trạm chuyển tải trên mặt bằng sân công nghiệp:</li></ul> <p>- Gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống băng tải và thiết bị xường sàng:</p> <p>- Gói thầu giám sát thi công xây dựng hệ thống băng tải và lắp thiết bị xường sàng:</p> <p><b>Công tác nhân sự:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc Công ty đối với ông Cao Việt Phương. Thời hạn giữ chức vụ 5 năm, kể từ ngày 01/5/2015.</li><li>- Cho ông Ngô Thế Phiệt thôi tham gia thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 02/6/2015.</li><li>- Bổ nhiệm ông Trần Mạnh Cường - Phó giám đốc Công ty làm thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 02/6/2015 thay thế ông Ngô Thế Phiệt.</li><li>- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin đối với ông Ngô Thế Phiệt kể từ ngày 02/6/2015</li><li>- Bổ nhiệm ông Trần Mạnh Cường – Phó giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 02/6/2015.</li></ul>
8	35/NQ-HĐQT	03/6/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xét miễn nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Mỏ khai thác hầm lò dưới mức -50 đến mức -300 – Mỏ Than Hà Lâm (Giấy phép khai thác số 2497/GP-BTNMT ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường) đối với ông Ngô Thế Phiệt.</li><li>- Xét bổ nhiệm ông Cao Việt Phương – Phó giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc điều hành Mỏ khai thác hầm lò dưới mức -50 đến mức -300 – Mỏ</li></ul>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			<p>Than Hà Lâm (Giấy phép khai thác số 2497/GP-BTNMT ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường thay thế ông Ngô Thế Phiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xét miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Ban quản lý dự án công trình khai thác phần dưới mức -50- Mỏ Than Hà Lâm- Công ty Than Hà Lâm đối với ông Ngô Thế Phiệt.</li><li>- Xét bổ nhiệm ông Trần Mạnh Cường – Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Ban quản lý dự án công trình khai thác phần dưới mức -50- Mỏ Than Hà Lâm- Công ty Than Hà Lâm thay ông Ngô Thế Phiệt.</li></ul>
9	36/NQ-HĐQT	14/7/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá dự kiến thực hiện KHSXKD 6 tháng đầu năm 2015, triển khai KHSXKD Quý III/2015.</li><li>- Xét phê duyệt bổ nhiệm lại cán bộ thuộc diện HĐQT phê duyệt trước khi Giám đốc ra Quyết định.</li><li>- Xét ban hành quy chế quản lý vật tư, quy chế khoán chi phí SX</li></ul>
10	37/NQ-HĐQT	13/8/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xét cho nghỉ chế độ hưởng BHXH (nghỉ hưu) đối với ông Vũ Thanh Nhân. Thời gian nghỉ từ ngày 01/9/2015, theo nội dung Tờ trình số 554/TTr-HLC ngày 06/8/2015 của Giám đốc Công ty.</li><li>- Đề xuất nhân sự thay thế ông Vũ Thanh Nhân để báo cáo HĐQT Tập đoàn TKV cử người tham gia quản lý phần vốn TKV tại Công ty.</li><li>- Xét phê duyệt Quy chế quản lý vật tư</li><li>- Đánh giá về thực hiện phòng, chống mưa bão của Công ty. Những thiệt hại ước tính của Công ty qua đợt mưa lũ lịch sử cuối tháng 7 đầu tháng 8/2015, những biện pháp phòng, chống mưa bão trong thời gian tới.</li></ul>
11	38/NQ-HĐQT	25/8/2015	Chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Hữu Đạt – Trưởng phòng An toàn Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý) kể từ ngày 26/8/2015
12	39/NQ-HĐQT	10/9/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thay đổi nhân sự HĐQT theo Quyết định số 1711/QĐ-TKV ngày 28/8/2015 của HĐQT Tập đoàn TKV cho ông Vũ Thanh Nhân thôi tham gia HĐQT. Cử ông Trương Ngọc Linh – Phó giám</li></ul>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			<p>đốc Công ty làm người đại diện của TKV tham gia ứng cử giữ chức Ủy viên HĐQT (thay thế ông Vũ Thanh Nhân)</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xét phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 – Mỏ Than Hà Lâm- Công ty Than Hà Lâm (điều chỉnh).</li><li>- Phê duyệt bổ sung KHSXKD và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê ngoài thi công khoan doa lỗ khoan đường kính lớn phục vụ thi công Bunke chứa than</li><li>- Triển khai một số công việc khác.</li></ul>
13	40/NQ-HĐQT	28/9/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xét bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty theo nội dung Tờ trình số 683/TTr-HLC ngày 21/9/2015 của Giám đốc Công ty.</li><li>- Bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ thuộc diện HĐQT phê duyệt theo Tờ trình số 681/TTr-HLC ngày 21/9/2015 của Giám đốc Công ty</li><li>- Triển khai một số công việc khác.</li></ul>
14	41/NQ-HĐQT	23/10/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt và vận hành thiết bị lò chợ CGH đồng bộ lò chợ 7-2 Via 7 thuộc Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 Mỏ Than Hà Lâm - Công ty Than Hà Lâm (Điều chỉnh).</li><li>- Phê duyệt bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu cung cấp hướng, dẫn lắp đặt và vận hành thiết bị lò chợ CGH đồng bộ lò chợ 7-2 Via 7 thuộc Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 Mỏ Than Hà Lâm-Công ty Than Hà Lâm (điều chỉnh).</li></ul>
15	42/NQ-HĐQT	29/10/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>-Xét bổ nhiệm ông Vũ Ngọc Thắng – Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Ban quản lý dự án thuộc Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin</li><li>- Sáp nhập Phân xưởng Cơ điện lò vào Phân xưởng Cơ khí- Cơ điện và mô hình tổ chức tạm thời của Phân xưởng Cơ khí- Cơ điện</li><li>- Điều động cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý.</li></ul>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			- Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện KHSXKD Quý IV/2015
16	43/NQ-HĐQT	03/11/2015	- Đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và Thông báo kết quả phát hành cổ phiếu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. -Giao nhiệm vụ thực hiện việc Đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty
17	44/NQ-HĐQT	26/11/2015	-Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2015 - Phê duyệt một số chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ chủ yếu trong SXKD năm 2016 và chủ trương thuê ngoài năm 2016. - Phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2015 (điều chỉnh) và kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016.
18	45/NQ-HĐQT	05/12/2015	- Phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuê khoan lỗ mìn- bóc xúc và vận chuyển đất đá phục vụ khai thác lộ thiên năm 2016. - Phê duyệt: Hạch toán phân giá trị chênh lệch tăng thêm của gói thầu Cung cấp, lắp đặt thiết bị, tháp giếng và trang thiết bị cốt giếng thuộc dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 Mỏ Than Hà Lâm Do tỷ giá USD và VND thay đổi.
19	46/NQ-HĐQT	23/12/2015	- Đánh giá dự kiến kết quả thực hiện KHSXKD năm 2015; KH năm 2016 và Quý I/2016 -Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật trong KHSXKD năm 2015. - Điều chỉnh một số nội dung của KH lựa chọn Nhà thầu đối với: -Gói thầu thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị Trạm xử lý nước thải lò và Trạm biến áp 6/0,4kv Trạm xử lý nước thải mỏ. -Gói thầu Giám sát thi công XD, cung cấp lắp đặt thiết bị Trạm xử lý nước thải lò và Trạm biến áp 6/0,4kv Trạm xử lý nước thải mỏ. -Chủ trương điều chỉnh nhân công và chi phí ăn định lượng thi công xây dựng các hạng mục đào lò XDCB do Công ty XD mỏ hầm lò II-TKV thực hiện tại 03 hợp đồng.



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

TT	Số Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
			- Xét thông qua: Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản cố định Quy định Quản lý xuất cảnh. - Công tác cán bộ. - Triển khai một số công việc khác.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Hằng năm, Tập đoàn TKV mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ của Tập đoàn và các công ty con tại Trường của Tập đoàn TKV. Vì vậy, Giám đốc các phó giám đốc và một số cán bộ quản lý khác đều tham gia các lớp do Tập đoàn tổ chức, nhằm bổ sung và nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động SXKD

### 2. Ban Kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

SỐ TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi tham dự họp
1	Trần Thị Kim Loan	Trưởng Ban kiểm soát	4/4
2	Mai Duy Ngọc	Ủy viên	4/4
3	Trịnh Xuân Khoa	Ủy viên	4/4

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

Năm 2015, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên theo quy định, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :





## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2014 là: **180.103.800đ (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu, một trăm linh ba ngàn, tám trăm đồng)** và mức thù lao từng chức danh HĐQT, BKS năm 2015 như sau:

TT	Chức danh	Hệ số lương bậc 2/2 chuyên trách	Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ )
1	Chủ tịch HĐQT	7,30	27.000.000 x 20% = 5.400.000
2	Ủy viên HĐQT	6,31	23.000.000 x 20% = 4.600.000
3	Trưởng BKS	6,31	23.000.000 x 20% = 4.600.000
4	Ủy viên BKS	5,98	21.000.000 x 20% = 4.200.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2015 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

### VI. Báo cáo tài chính:

#### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính ;

*Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi xin được lưu ý người đọc báo cáo tài chính về việc Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 53 ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng quản trị”.*

#### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>218,384,532,058</b>	<b>255,976,557,281</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>		<b>657,908,253</b>	<b>577,237,880</b>
Tiền	111	V.1	657,908,253	577,237,880
Các khoản tương đương tiền	112			0
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41,679,454,617</b>	<b>61,425,869,489</b>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	30,561,427,509	10,634,755,758
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,695,685,826	47,553,379,851
Các khoản phải thu khác	136	V.3	5,422,341,282	3,237,733,880
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			0
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.4	<b>120,076,974,288</b>	<b>132,520,686,938</b>
Hàng tồn kho	141		134,401,473,817	133,699,131,426
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-14,324,499,529	-1,178,444,488
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>55,970,194,900</b>	<b>61,452,762,974</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	33,656,013,217	26,158,608,241
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,417,373,246	17,386,008,219
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	153	V.5	19,896,808,437	17,908,146,514
Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,982,020,078,567</b>	<b>2,392,187,011,484</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	V.6	<b>21,184,001,359</b>	<b>16,825,359,225</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
Trả trước cho người bán dài hạn	212		7,426,994,380	7,226,994,380
Phải thu nội bộ dài hạn	214			
Phải thu về cho vay dài hạn	215			
Phải thu dài hạn khác	216		13,757,006,979	9,598,364,845
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,872,583,567,829</b>	<b>1,435,660,215,862</b>
TSCĐ hữu hình	221	V.11	1,872,477,441,802	1,435,508,497,311
- Nguyên giá	222		3,118,115,494,182	2,490,930,765,691
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		-1,245,638,052,380	-1,055,422,268,380
TSCĐ vô hình	227	V.12	106,126,027	151,718,551
- Nguyên giá	228		861,052,447	861,052,447
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		-754,926,420	-709,333,896
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.7	<b>955,020,790,548</b>	<b>828,187,873,256</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		955,020,790,548	828,187,873,256
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>133,231,718,831</b>	<b>111,513,563,141</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	133,231,718,831	111,513,563,141
Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.200.404.610.625</b>	<b>2.648.163.568.765</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,942,081,050,526</b>	<b>2,393,778,822,335</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>423,296,919,778</b>	<b>611,439,706,148</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		66,399,252,221	231,037,465,143
Người mua trả tiền trước	312		104,434,783,004	13,836,836,239
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	21,544,089,370	17,760,831,376
Phải trả người lao động	314		89,849,751,701	113,410,915,553
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	155,729,629	1,278,438,864
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	10,558,273,338
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	12,399,756,774	22,976,837,010
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	52,474,127,093	157,309,089,130
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	60,621,474,147	28,199,778,880
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,417,955,839	15,071,240,615
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2,518,784,130,748</b>	<b>1,782,339,116,187</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		101,074,614,089	
Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	2,417,709,516,659	1,782,339,116,187
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>258,323,560,099</b>	<b>254,384,746,430</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>258,323,560,099</b>	<b>254,384,746,430</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		254,151,990,000	232,066,210,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254,151,990,000	232,066,210,000
Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4,171,570,099	22,318,536,430
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,200,404,610,625</b>	<b>2,648,163,568,765</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lũy kế từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế quý		Lũy kế năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	507,856,516,717	455,695,387,275	2,245,210,084,063	1,819,743,233,261
<i>Trong đó: - Doanh thu than</i>					2,187,416,369,753	1,754,089,757,236
<i>- Doanh thu khác</i>					57,793,714,310	65,653,476,025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		507,856,516,717	455,695,387,275	2,245,210,084,063	1,819,743,233,261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	417,947,773,092	341,896,848,199	1,858,985,402,387	1,464,832,841,114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89,908,743,625	113,798,539,076	386,224,681,676	354,910,392,147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,958,721,479	84,438,241	11,003,511,541	194,147,207
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39,822,524,528	42,804,705,633	155,499,587,699	136,443,873,573
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		39,822,524,528	41,750,076,243	153,705,760,805	134,533,541,958
8. Chi phí bán hàng	24		5,994,376,989	11,562,677,764	35,344,140,361	42,619,656,385
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41,358,975,846	37,291,188,346	169,905,490,768	135,065,265,855
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		13,691,587,741	22,224,405,574	36,478,974,389	40,975,743,541
11. Thu nhập khác	31		2,747,412,456	2,797,213,185	8,732,529,724	13,851,475,655
12. Chi phí khác	32		2,259,603,117	3,293,190,648	5,563,965,144	7,797,695,464
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		487,809,339	-495,977,463	3,168,564,580	6,053,780,191
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,179,397,080	21,728,428,111	39,647,538,969	47,029,523,732
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	2,996,903,658	4,780,254,184	8,727,520,773	10,472,789,241
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11,182,493,422	16,948,173,927	30,920,018,196	36,556,734,491
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				854.98	954.65

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Lũy kế từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
		Năm 2015	Cùng kỳ năm trước
1	2	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	39,647,538,969	47,029,523,732
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	205,272,544,362	191,220,057,888
Các khoản dự phòng	03	13,146,055,041	-16,003,853,512
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	0	1,825,122,808
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-2,482,609,252	-2,929,372,947
Chi phí lãi vay	06	153,705,760,805	134,533,541,958
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>409,289,289,925</b>	<b>355,675,019,927</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	32,792,253,028	106,169,998,079
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-702,342,391	9,226,111,928
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	-168,054,348,860	-163,207,215,416
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	-29,215,560,666	-29,970,867,372
Tiền lãi vay đã trả	13	-153,771,668,132	-103,575,705,599
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-9,905,321,550	-11,269,379,557
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6,573,457,068	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-5,563,965,144	-5,360,638,845
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>81,441,793,278</b>	<b>157,687,323,145</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-600,912,651,125	-685,707,821,861
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2,159,072,656	2,790,906,658
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57,671,490	138,466,289
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>-598,695,906,979</b>	<b>-682,778,448,914</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,550,309,535,291	2,906,288,680,505
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-2,019,774,096,856	-2,362,710,277,646
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-13,200,654,361	-18,565,553,680
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>517,334,784,074</b>	<b>525,012,849,179</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>80,670,373</b>	<b>-78,276,590</b>
Tiền tồn đầu kỳ	60	577,237,880	655,514,470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền tồn cuối kỳ	70	657,908,253	577,237,880

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp và dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải...

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm 2015 bắt đầu từ 1/1/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài khoản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ tại kết thúc năm tài chính được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do nhà nước công bố tại kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng, hay dựa trên ước tính của Công ty

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp giá đích danh

Thành phẩm và Sản phẩm dở dang cuối kỳ được xác định theo Chế độ kế toán áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.( Thông tư 45/2013/TT-BTC/25/4/2013)

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị động lực	6 - 20 năm
- Máy móc thiết bị công tác	2 - 20 năm
- Dụng cụ làm việc đo lường thí nghiệm	2 - 10 năm
- Thiết bị và phương tiện vận tải	6 - 30 năm
- Dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
- Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Súc vật vườn cây lâu năm	2 - 40 năm
- Các loại tài sản cố định hữu hình khác chưa quy định trong các nhóm trên	4 - 25 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	2 - 20 năm

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó: Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính theo quy định.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị khoản bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó  
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. TIỀN	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	27,451,807	9,058,634
Tiền gửi ngân hàng	630,456,446	568,179,246
Tiền đang chuyển		
<b>Cộng:</b>	<b>657,908,253</b>	<b>577,237,880</b>
<b>2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Tuyển than Hòn Gai- Vinacomin		
Kho vận Hòn Gai- Vinacomin		
Khách hàng khác	30,561,427,509	10,634,755,758
<b>Cộng:</b>	<b>30,561,427,509</b>	<b>10,634,755,758</b>
<b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5,422,341,282</b>	<b>3,237,733,880</b>
Bảo hiểm XH, BHYT	1,275,530,471	
Kinh phí công đoàn	191,787,873	
Phải thu người LĐ		12,701,766
Chi phí lập đề án KTD bổ sung phục vụ CGH mỏ than HL		1,586,961,297
Quỹ lao động dôi dư		1,257,776,160
Chi phí khoan thăm dò		
Phải thu khác	3,955,022,938	380,294,657
<b>b. Dài hạn</b>	<b>13,757,006,979</b>	<b>9,598,364,845</b>
Ký quỹ BVMT	13,757,006,979	9,598,364,845
<b>Cộng:</b>	<b>19,179,348,261</b>	<b>12,836,098,725</b>
<b>4. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Hàng hóa	267 875 971	126 073 295
Nguyên liệu, vật liệu	27,249,078,424	30,499,203,736
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63,904,400,399	19,066,468,050
Thành phẩm	42,980,119,023	84,007,386,345
Dự phòng giảm giá HTK	-14 324 499 529	-1 178 444 488
<b>Cộng:</b>	<b>120,076,974,288</b>	<b>132,520,686,938</b>
<b>5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19,896,808,437	17,310,853,815
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	0
Thuế Thu nhập cá nhân	-	597,292,699
Thuế đất	-	0
Thuế tài nguyên	-	0
<b>Cộng:</b>	<b>-</b>	<b>17,908,146,514</b>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC		31/12/2015	01/01/2015
		VNĐ	VNĐ
Trả cho Lâm nghiệp Ba Chẽ Quảng Ninh		7,426,994,380	7,226,994,380
Ký quỹ môi trường		13,757,006,979	9,598,364,845
<b>Cộng:</b>		<b>21,184,001,359</b>	<b>16,825,359,225</b>
7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN		31/12/2015	01/01/2015
		VNĐ	VNĐ
Xây dựng cơ bản dở dang		953,784,790,548	828,187,873,256
Mua sắm TSCĐ		1,236,000,000	-
Sửa chữa lớn		-	-
<b>Cộng:</b>		<b>955,020,790,548</b>	<b>828,187,873,256</b>
8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		31/12/2015	01/01/2015
		VNĐ	VNĐ
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>33,656,013,217</b>	<b>26,158,608,241</b>
CP sửa chữa TSCĐ		33,414,861,385	15,661,659,361
CP mua bảo hiểm		241,151,832	-
Các khoản khác		-	10,496,948,880
<b>b. Dài hạn</b>		<b>133,231,718,831</b>	<b>111,513,563,141</b>
CP công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ		20,813,514,470	17,277,764,172
CP sửa chữa lớn TSCĐ		6,309,975,718	31,832,722,431
CP sử dụng số liệu thông tin về kết quả điều tra, TDKS		62,936,988,203	61,975,272,961
Tiền cấp quyền KTKS		43,171,240,440	427,803,577
<b>CỘNG</b>		<b>166,887,732,048</b>	<b>137,672,171,382</b>
9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:		31/12/2015	01/01/2015
		VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng		-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		2,996,903,658	4,174,704,435
Thuế thu nhập cá nhân		644,891,373	-
Thuế tài nguyên		11,030,949,345	12,254,361,769
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		-	-
Phí bảo vệ môi trường		1,498,593,302	1,327,982,772
Các khoản phí, lệ phí		-	-
Các khoản nộp khác		5,372,751,692	3,782,400
<b>Cộng</b>		<b>21,544,089,370</b>	<b>17,760,831,376</b>
10. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC:		31/12/2015	01/01/2015
		VNĐ	VNĐ
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>12,399,756,774</b>	<b>22,976,837,010</b>
Tài sản thừa chờ xử lý		-	1,224,050
Kinh phí công đoàn		-	-
Bảo hiểm xã hội, BHYT		496,862,545	-
Phải trả về cổ tức		4,589,984,939	-
Kinh phí đảng		-	-
Các khoản khác		7,312,909,290	22,975,612,960
<b>b. Dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng:</b>		<b>12,399,756,774</b>	<b>22,976,837,010</b>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1,226,391,944,602	1,062,139,610,612	165,026,872,466	37,372,338,011	2,490,930,765,691
Số tăng trong năm	153,259,498,298	488,732,708,446	0	1,034,808,182	643,027,014,926
- Mua trong năm		488,134,924,979		1,034,808,182	489,169,733,161
- Đầu tư XD CB hoàn thành	153,259,498,298	597,783,467			153,857,281,765
- Tăng do điều động					0
Số giảm trong năm	-635,118,594	-1,003,720,800	-14,203,447,041		-15,842,286,435
<b>Điều động</b>					
- Thanh lý, nhượng bán		-1,003,720,800	-14,203,447,041		-15,207,167,841
- Giảm khác	-635,118,594				-635,118,594
Số dư cuối năm	1,379,016,324,306	1,549,868,598,258	150,823,425,425	38,407,146,193	3,118,115,494,182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	256,064,300,711	600,675,793,177	164,878,664,252	33,803,510,240	1,055,422,268,380
Số tăng trong năm	91,749,993,770	112,521,833,712	148,208,214	1,002,916,145	205,422,951,841
- Khấu hao trong năm	91,553,993,767	112,521,833,712	148,208,214	1,002,916,145	205,226,951,838
<b>Khấu hao do điều động</b>					
					0
- Hao mòn	196,000,003				196,000,003
Số giảm trong năm	0	-1,003,720,800	-14,203,447,041	0	-15,207,167,841
<b>Điều động</b>					
- Thanh lý, nhượng bán		-1,003,720,800	-14,203,447,041		-15,207,167,841
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	347,814,294,481	712,193,906,089	150,823,425,425	34,806,426,385	1,245,638,052,380
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	970,327,643,891	461,463,817,435	148,208,214	3,568,827,771	1,435,508,497,311
Tại ngày cuối năm	1,031,202,029,825	837,674,692,169	0	3,600,719,808	1,872,477,441,802
Trong đó: Thế chấp cầm cố					1,655,138,405,435
KH hết vẫn sử dụng					814,167,318,258

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

Diễn giải	Quyền sử	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán, vật tư	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm			861,052,447	861,052,447
Số tăng trong năm			0	0
Số giảm trong năm			0	0
Số dư cuối năm			861,052,447	861,052,447
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm			709,333,896	709,333,896
Số tăng trong năm			45,592,524	45,592,524
Số giảm trong năm			0	0
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giám khác				0
Số dư cuối năm			754,926,420	754,926,420
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm			151,718,551	151,718,551
Tại ngày cuối năm			106,126,027	106,126,027

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
- Phí kiểm toán	39,900,000	
- Chi phí khác	115,829,629	1,278,438,864
<b>Cộng</b>	<b>155,729,629</b>	<b>1,278,438,864</b>

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ:

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
a. <b>Ngắn hạn</b>	<b>60,621,474,147</b>	<b>28,199,778,880</b>
CP sửa chữa lớn TSCĐ		
Phí cấp quyền khai thác KS	60,621,474,147	28,199,778,880
b. <b>Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>60,621,474,147</b>	<b>28,199,778,880</b>

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	01/01/2015		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND			VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>157,309,089,130</b>	<b>157,309,089,130</b>	<b>1,594,143,636,387</b>	<b>1,698,978,598,424</b>	<b>52,474,127,093</b>	<b>52,474,127,093</b>
Vay ngắn hạn NH Công thương	157,309,089,130	157,309,089,130	756,713,207,478	868,536,252,422	45,486,044,186	45,486,044,186
Vay ngắn hạn NH Ngoại thương	-	-	329,342,823,013	329,342,823,013	-	-
Vay ngắn hạn NH SHB Hạ Long	-	-	179,488,773,625	172,500,690,718	6,988,082,907	6,988,082,907
Vay ngắn hạn NH BIDV	-	-	328,598,832,271	328,598,832,271	-	-
Khác	-	-	-	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1,782,339,116,187</b>	<b>1,782,339,116,187</b>	<b>956,165,898,904</b>	<b>320,795,498,432</b>	<b>2,417,709,516,659</b>	<b>2,417,709,516,659</b>
Vay dài hạn NH Công thương	906,336,885,695	906,336,885,695	589,221,515,811	160,659,363,225	1,334,899,038,281	1,334,899,038,281
Vay dài hạn NH Ngoại thương	389,428,531,664	389,428,531,664	33,914,058,712	20,000,000,000	403,342,590,376	403,342,590,376
Vay dài hạn NH SHB Hạ Long	65,044,150,620	65,044,150,620	154,513,205,736	5,438,260,000	214,119,096,356	214,119,096,356
Vay dài hạn NH SHB Hòn Gai	9,338,667,086	9,338,667,086	20,233,778,687	29,572,445,773	-	-
Vay dài hạn NH BIDV	315,089,516,915	315,089,516,915	158,283,339,958	8,024,065,227	465,348,791,646	465,348,791,646
Vay dài hạn Tập đoàn	81,570,009,207	81,570,009,207	-	81,570,009,207	-	-
Khác	15,531,355,000	15,531,355,000	-	15,531,355,000	-	-

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	232,066,210,000		22,318,536,430				254,384,746,430
Tăng vốn trong kỳ	22,085,780,000		3,938,813,669				26,024,593,669
Lãi trong kỳ			3,938,813,669				3,938,813,669
Tăng khác	22,085,780,000						22,085,780,000
Giảm vốn trong kỳ			22,085,780,000				22,085,780,000
Lỗ trong kỳ							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>254,151,990,000</b>		<b>4,171,570,099</b>				<b>258,323,560,099</b>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VNĐ	01/01/2015 VNĐ
Vốn góp của Nhà nước	188,594,246,000	172,202,180,000
Vốn góp của các đối tượng khác	65,557,744,000	59,864,030,000
<b>Cộng</b>	<b>254,151,990,000</b>	<b>232,066,210,000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

d) Cổ tức:

đ) Cổ phiếu:

e) Các quỹ của công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	4,171,570,099	22,318,536,430

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KQKD:**

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ:	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	2,187,416,369,753	1,754,089,757,236
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57,793,714,310	65,653,476,025
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng:</b>	<b>2,245,210,084,063</b>	<b>1,819,743,233,261</b>
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN:	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hoá đã bán		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,790,745,054,102	1,399,813,918,485
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55,094,293,244	393,556,843,507
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13,146,055,041	-16,003,853,512
<b>Cộng:</b>	<b>1,858,985,402,387</b>	<b>1,777,366,908,480</b>
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH:	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	323,536,596	194,147,207
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10,679,974,945	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
<b>Cộng:</b>	<b>11,003,511,541</b>	<b>194,147,207</b>
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH:	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	153,705,760,805	134,533,541,958
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,793,826,894	1,910,331,615
<b>Cộng:</b>	<b>155 499 587 699</b>	<b>136,443,873,573</b>
5. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH:	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận trước thuế	39,647,538,969	47,029,523,732
Khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận khi tính thuế	23,010,000	574,063,726
Tổng thu nhập chịu thuế	39,670,548,969	47,603,587,458
Thuế TNDN hiện hành	8,727,520,773.00	10,472,789,241
<b>Cộng:</b>	<b>8,727,520,773</b>	<b>10,472,789,241</b>
VII. CHI PHÍ SX THEO YẾU TỐ:	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	609,310,610,057	533,254,355,656
- Nguyên vật liệu	520,229,053,282	443,659,560,637
- Nhiên liệu	32,669,554,800	41,904,803,455

- Động lực	56,412,001,975	47,689,991,564
Chi phí nhân công	624,910,549,607	594,395,234,477
- Tiền lương	524,678,182,571	494,684,296,455
- BHXH, KPCĐ, BHYT, KPCĐ, BHTN	43,790,536,346	45,932,324,234
- Ăn ca	56,441,830,690	53,778,613,788
Khấu hao TSCĐ	205,272,544,362	191,220,057,888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409,767,674,810	245,829,984,721
Chi phí khác bằng tiền	555,724,378,909	504,086,993,812
<b>Cộng:</b>	<b>2,404,985,757,745</b>	<b>2,068,786,626,554</b>



**PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**  
**12 tháng Năm 2015**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	2	3	4	5	6 = 3+4 -5
<b>I. Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18)</b>	<b>10</b>	<b>-1,475,297,910</b>	<b>272,704,015,723</b>	<b>271,080,030,182</b>	<b>148,687,631</b>
1. Thuế giá trị gia tăng	11	-17,310,853,815	72,881,693,318	75,467,647,940	-19,896,808,437
- Thuế GTGT hàng nội địa	11.1	-17,310,853,815	72,881,693,318	75,467,647,940	-19,896,808,437
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	11.2				
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	12				
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	4,174,704,435	8,727,520,773	9,905,321,550	2,996,903,658
5. Thuế thu nhập cá nhân	15	-597,292,699	5,235,871,486	3,993,687,414	644,891,373
6. Thuế tài nguyên	16	12,254,361,769	176,924,516,953	178,147,929,377	11,030,949,345
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	17		2,326,701,486	2,326,701,486	0
8. Các loại thuế khác	18	3,782,400	6,607,711,707	1,238,742,415	5,372,751,692
<b>II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp (30 = 31+32+33)</b>	<b>30</b>	<b>1,327,982,772</b>	<b>68,301,714,000</b>	<b>68,131,103,470</b>	<b>1,498,593,302</b>
2. Phí bảo vệ môi trường	32	1,327,982,772	21,801,140,000	21,630,529,470	1,498,593,302
3. Các loại phí, lệ phí	33				
3. Tiền cấp quyền khai thác	34		46,500,574,000	46,500,574,000	0
<b>Tổng cộng (40 = 10 + 30)</b>		<b>-147,315,138</b>	<b>341,005,729,723</b>	<b>339,211,133,652</b>	<b>1,647,280,933</b>



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN *ed*  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC



*Trần Mạnh Cường*